

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN Đ
TỈNH ĐIỆN BIÊN**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số 156/2017/HSST
Ngày 04/7/2017

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ, TỈNH ĐIỆN BIÊN

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán chủ tọa phiên toà: Bà Bạc Thị Liên
Các hội thẩm nhân dân: 1. Ông Lò Văn Ớn
2. Ông Lường Văn Hịa

Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà: Bà Nguyễn Thị Yên - Thư ký, Toà án nhân dân huyện Đ.

Đại diện VKSND huyện Đ, tỉnh Điện Biên tham gia phiên toà: Bà Mai Thị Kim Oanh - Kiểm sát viên.

Ngày 04/7/2017 Tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Điện Biên xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 162/2017/HSST ngày 14 tháng 6 năm 2017 đối với bị cáo:

Họ tên: **Lò Văn P** - Tên gọi khác: Không;

Sinh năm: 1983 tại Điện Biên

Nơi ĐKNKTT và chỗ ở: Đội 11, xã T, huyện Đ, tỉnh Điện Biên;

Dân tộc: Thái; Quốc tịch: Việt Nam;

Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Làm ruộng.

Trình độ học vấn: 7/12

Con ông: Lò Văn X, sinh năm 1963; Con bà: Lò Thị H, sinh năm 1965

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo có vợ Quàng Thị T, sinh năm 1987; bị cáo có 01 con, sinh năm 2009.

Bị cáo bị bắt tạm giam, giữ từ ngày 17/4/2017 cho đến nay có mặt tại phiên toà.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Lò Thị N, sinh năm 1981. Trú tại: Đội 8B, xã T, Huyện Đ, tỉnh Điện Biên. (vắng mặt)

Người có nghĩa vụ liên quan: Lò Thị X, sinh năm 1978. Trú tại: Đội 8B, xã T, huyện Đ, tỉnh Điện Biên. (vắng mặt)

NHẬN THẤY

Bị cáo bị VKSND huyện Đ truy tố về hành vi phạm tội như sau:

Khoảng 06 giờ 30 phút ngày 16/4/2017, Lò Văn P cầm theo 800.000 đi bộ một mình từ nhà sang bản P (đội 8b) xã T, huyện Đ, tỉnh Điện Biên mục đích tìm mua heroin về sử dụng thì gặp Lò Thị X, sinh năm 1978 đang đứng ở cổng nhà. X hỏi P có biết chỗ

nào bán hêrôin thì mua hộ. P nói có và X đã đưa cho P 2.000.000đ và dặn nếu mua được thì chia số hêrôin thành hai gói. P đồng ý và cất tiền X đưa vào túi quần đang mặc rồi đi về nhà. Khoảng 11 giờ 30 phút ngày 16/4/2017, P gọi điện cho Lò Thị N, sinh năm 1981 trú tại đội 8B, xã T, huyện Đ nhờ N đến chở lên khu vực Yên ngựa thuộc cột mốc 105, xã T, huyện Đ. Đến 12 giờ cùng ngày, N đi xe mô tô đến chở P lên khu vực Yên ngựa thì P xuống xe đi bộ vào trong rừng thuộc đội 9, xã T, huyện Đ còn N quay về. Khoảng 14 giờ 00 phút cùng ngày P gặp 02 người đàn ông khoảng 40 tuổi không rõ lai lịch qua trao đổi P mua của hai người đàn ông đó 2.800.000đ hêrôin P bảo 2 người đàn ông chia số ma túy thành 03 gói. (số tiền 2.000.000đ chia làm 2 gói, 800.000đ chia 01 gói). Sau khi cầm tiền hai người đàn ông đó đi cách xa chỗ P khoảng 2m để cắt hêrôin. Người thứ nhất cắt cho P phần 2.000.000đ, được 02 gói và cho thêm 01 gói nhỏ hêrôin và 01 gói có 4 viên methamphetamine. Người thứ 2 cắt cho P phần 800.000đ được 01 gói nhỏ hêrôin và cho thêm 02 gói nhỏ hêrôin nữa. Tổng cộng tất cả 7 gói được gói bằng nilon màu trắng bên ngoài P gói bằng lá cây rừng, buộc bên ngoài bằng 01 dây chun màu vàng rồi cất vào túi áo phông đang mặc sau đó P ngủ lại trong rừng và đến khoảng 18 giờ 00 thì lấy một ít hêrôin trong một gói nhỏ ra sử dụng rồi gói lại như cũ. Đến khoảng 04 giờ 00 phút sáng hôm sau P về nhà. Khi đi đến khu vực đường nhựa vào Đồn Biên Phòng T thì P gọi điện cho N đến đón. Hồi 08 giờ 30 phút ngày 17/4/2017, khi Lò Thị N chở Lò Văn P đi về đến đội 9B, xã T, huyện Đ bị tổ công tác Đồn biên phòng T phát hiện bắt quả tang thu giữ tại túi áo P đang mặc 06 gói hêrôin và 01 gói Methamphetamine cùng 01 điện thoại di động hiệu FPT đã cũ; 01 chiếc xe mô tô BKS 27B1- 165.74 và 01 điện thoại không rõ nhãn mác của Lò Thị N.

Tại biên bản mở niêm phong xác định trọng lượng ngày 18/4/2017 đã xác định: gói chất bột màu trắng thu giữ của Lò Văn P có trọng lượng là 17,52 gam. 04 viên nén màu hồng nghi ma túy tổng hợp có trọng lượng 0,38 gam.

Tại bản kết luận giám định số 443/GĐ-PC54 ngày 28/5/2017 Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Điện Biên đã kết luận: Mẫu chất bột màu trắng gửi giám định trích ra từ vật chứng thu giữ của Lò Văn P là chất ma túy loại hêrôin. Mẫu viên nén gửi giám định trích ra từ vật chứng thu giữ của Lò Văn P là chất ma túy loại Methamphetamine.

Tại bản cáo trạng số 95/QĐ-VKS- ngày 16/6/2017; Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ đã truy tố bị cáo Lò Văn P về tội: Tàng trữ trái phép chất ma túy theo quy định tại Điểm o Khoản 2 Điều 194/BLHS.

Trong phần tranh luận tại phiên tòa, đại diện VKSND huyện Đ vẫn giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo về tội: Tàng trữ trái phép chất ma túy, đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điểm o Khoản 2 Điều 194/BLHS; Điểm p Khoản 1 Điều 46/BLHS; Điểm a Khoản 4 Điều 1 Nghị quyết 144/2016/QH13 ngày 29/6/2016 thực hiện quy định có lợi cho người phạm tội; Điểm o Khoản 2 Điều 249/BLHS 2015. Xử phạt bị cáo Lò Văn P từ 07 năm 06 tháng đến 08 năm tù, không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo; Áp dụng Điểm a Khoản 2 Điều 76/BLTTHS về xử lý vật chứng của vụ án; Áp dụng Điều 99/BLTTHS và Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 về án phí, lệ phí Tòa án ngày 30/12/2016 bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật. Bị cáo

hoàn toàn nhất trí với quan điểm truy tố và luận tội của VKSND huyện Đ, không có ý kiến tranh luận.

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu đã được thẩm tra tại phiên toà; Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, của bị cáo;

XÉT THẤY

Tại phiên toà hôm nay bị cáo Lò Văn P khai nhận: Khoảng 16 giờ 30 phút ngày 16/4/2017 Lò Văn P cầm theo 800.000 đi bộ một mình từ nhà sang bản P(đội 8) xã T, huyện Đ mục đích tìm mua hêrôin về sử dụng thì gặp Lò Thị X sinh năm 1978 đang đứng ở cổng nhà X ở đội 8B, xã T, X nhờ bị cáo đi mua hộ 2.000.000đ hêrôin bị cáo đồng ý cầm số tiền 2.000.000đ, X đưa đi về nhà đến khoảng 11 giờ 30 phút P có gọi điện báo Lò Thị N, chờ bị cáo lên khu vực Yên ngựa thuộc cột mốc 105, xã T, huyện Đ. Bị cáo đi bộ vào rừng và đã gặp 02 người đàn ông. Qua trao đổi bị cáo đã mua được 06 gói hêrôin và 01 gói gồm 4 viên ma túy tổng hợp giá 2.800.000đ. Bị cáo ngủ lại trong rừng và đến khoảng 18 giờ thì P lấy một ít hêrôin trong một gói nhỏ ra sử dụng rồi gói lại như cũ. Khoảng 04 giờ 00 ngày 17/4/2017, bị cáo quay về khi đi đến khu vực đường nhựa vào Đồn Biên Phòng Th thì P gọi điện thoại cho N đến đón. Hồi 08 giờ 30 phút ngày 17/4/2017, khi N chờ bị cáo đến đội 9B, xã T, huyện Đ thì bị tổ công tác Đồn Biên phòng T phát hiện bắt quả tang thu giữ tại túi áo P đang mặc 06 gói hêrôin và 01 gói methamphetamine. 01 điện thoại di động hiệu FPT đã cũ; 01 chiếc xe mô tô BKS 27B1-165.74; 01 điện thoại không rõ nhãn mác của Lò Thị N là hoàn toàn đúng sự thật.

Vật chứng thu giữ của bị cáo P gồm 06 gói hêrôin đã được cân xác định trọng lượng là 17,52 gam, 01 gói Methamphetamine có trọng lượng 0,38 gam . Lời khai của bị cáo hoàn toàn phù hợp với các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, bản cáo trạng và vật chứng của vụ án được ghi tại biên bản bắt người phạm tội quả tang, biên bản niêm phong vật chứng.

Với hành vi tàng trữ 17,52 gam hêrôin và 0,38 gam Methamphetamine trên người mục đích để sử dụng của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy" theo quy định tại Điều 194 Bộ luật hình sự, trọng lượng hêrôin thuộc khoản 2 Điều 194/BLHS, trọng lượng ma túy tổng hợp thuộc khoản 1 Điều 194 BLHS. Sau khi quy đổi thì tổng tỷ lệ phần trăm về trọng lượng của hai chất ma túy so với mức định lượng tối thiểu ở khoản 3 Điều 194 là dưới 100% nên bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm o khoản 2 Điều 194 BLHS năm 1999 (sửa đổi bổ sung năm 2009) có khung hình phạt từ 07 năm đến 15 năm tù, nhưng theo quy định tại Điểm o Khoản 2 Điều 249 BLHS năm 2015 thì hành vi trên có khung hình phạt từ 05 năm đến 10 năm tù, vì vậy đây là một quy định có lợi cho người phạm tội được liệt kê tại khoản 3 Điều 7 Bộ luật hình sự năm 2015. Mặc dù Bộ luật hình sự năm 2015 đã bị lùi hiệu lực thi hành nhưng theo quy định tại Điểm a Khoản 4 Điều 1 Nghị quyết số 144/2016/QH13 ngày 29/6/2016 của Quốc hội thì trên những quy định có lợi cho người phạm tội tại Khoản 3 Điều 7 BLHS năm 2015 vẫn được thực hiện ngay từ ngày 01/7/2016. Vì vậy, HĐXX căn cứ vào Điểm a Khoản 4 Điều 1 Nghị quyết số 144/2016/QH13 ngày 29/6/2016 của Quốc hội về các quy định có lợi cho người phạm tội để xem xét áp dụng mức hình phạt phù hợp với hành vi phạm tội của bị cáo.

Cáo trạng truy tố bị cáo là hoàn toàn đúng người, đúng tội, đúng pháp luật; Bị cáo là người có đủ năng lực để chịu trách nhiệm hình sự và phải chịu hình phạt mà pháp luật quy định do hành vi phạm tội của mình đã gây ra.

Hành vi của bị cáo Lò Văn P là nguy hiểm cho xã hội phạm tội thuộc trường hợp rất nghiêm trọng làm ảnh hưởng đến trật tự trị an, an toàn xã hội, đã trực tiếp xâm hại đến chính sách độc quyền quản lý các chất ma túy của Nhà nước, làm lan tràn tệ nạn nghiện ma túy và tiếp tay cho những kẻ buôn bán ma túy hoạt động, ảnh hưởng đến trật tự trị an trong xã hội. Vì vậy, hành vi phạm tội của bị cáo cần được xử lý nghiêm minh trước pháp luật.

Xét về nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo cho thấy. Sinh ra và lớn lên tại Đ, học hết lớp 7/12 bỏ học. Năm 2008 xây dựng gia đình với Quảng Thị T, Sử dụng ma túy từ năm 2000. Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo nên được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại Điểm p Khoản 1 Điều 46/BLHS. HĐXX xét thấy bị cáo là đối tượng nghiện ma túy nên cần áp dụng hình phạt tù cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian để tiếp tục giáo dục, cải tạo và có thời gian cai nghiện để bị cáo cải sửa lỗi lầm của mình. Trở thành công dân có ích cho gia đình và xã hội.

Ngoài hình phạt chính bị cáo còn có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung bằng hình thức phạt tiền, tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản theo quy định tại Khoản 5 Điều 194/BLHS. Nhưng xét thấy bị cáo có hoàn cảnh kinh tế khó khăn lại là đối tượng nghiện ma túy, thu nhập chủ yếu dựa vào lao động sản xuất nông nghiệp ngoài ra không có thu nhập nào khác, nên không có khả năng thi hành vì vậy Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo. Xét đề nghị của đại diện VKS là phù hợp nên HĐXX chấp nhận.

Nguồn gốc số hêrôin trên theo lời khai của bị cáo đã mua của hai người đàn ông khoảng 40 tuổi không biết tên và địa chỉ, Cơ quan điều tra không điều tra làm rõ được cho nên HĐXX không xem xét trong vụ án.

Bị cáo khai đã nhận của Lò Thị X số tiền 2.000.000đ đưa mua giúp X hêrôin trong quá trình điều tra không đủ cơ sở chứng minh X đã đưa tiền cho bị cáo đi mua hêrôin và khi giao nhận tiền không có người làm chứng cho nên không đủ căn cứ xử lý Lò Thị X vì vậy HĐXX không xem xét trong vụ án.

Lò Thị N là người đã dùng xe mô tô của mình để chở bị cáo đi và đón bị cáo về nhưng N không biết việc P đi mua và cất giấu ma túy trong người nên không có đủ cơ sở để xử lý N.

Đối với chiếc xe mô tô BKS 27B1- 16574; 01 chiếc điện thoại không rõ nhãn mác Công an đã thu giữ và đã trả lại cho Lò Thị N là chủ sở hữu; Trả lại 01 chiếc điện thoại di động hiệu FPT màu vàng của bị cáo Lò Văn P cho vợ bị cáo là Quảng Thị T theo quy định tại Điều 41/BLHS và Điều 76/ BLTTHS vì không ảnh hưởng đến việc xử lý vụ án. HĐXX chấp nhận.

Căn cứ Điểm a Khoản 2 Điều 76/BLTTHS Tịch thu, tiêu huỷ 17,52 gam hêrôin đã trích 0,81 gam gửi giám định không hoàn lại và 0,38 gam methamphetamine đã trích 0,1 gam gửi giám định không hoàn lại.

Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí HSST theo quy định tại Điều 99/BLTTHS và Điểm a Khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 về án phí lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

1. Tuyên bố: Bị cáo Lò Văn P phạm tội: "Tàng trữ trái phép chất ma túy".

Áp dụng Điểm o Khoản 2 Điều 194/BLHS, điểm p khoản 1 Điều 46/BLHS năm 1999; Điểm a khoản 4 Điều 1 nghị quyết 144/2016/QH13 ngày 29/6/2016. Khoản 3 Điều 7/BLHS năm 2015; Điểm o Khoản 2 Điều 249/BLHS năm 2015.

Xử phạt bị cáo Lò Văn P 08 năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị tạm giữ ngày 17/4/2017.

2. Áp dụng Điểm a khoản 2 Điều 76/BLTTHS: Tịch thu, tiêu huỷ 17,52 gam êrôin đã trích gửi giám định không hoàn lại 0,81 gam và 0,38 gam methamphetamine đã trích 0,1 gam gửi giám định không hoàn lại,

(Vật chứng đã được công an huyện Đ chuyển cho Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ vào ngày 20/6/2017).

3. Án phí: Áp dụng Điều 99 bộ luật tố tụng hình sự; Điểm a Khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 về án phí lệ phí Tòa án, buộc bị cáo Lò Văn P phải chịu 200.000đ án phí HSST.

Bị cáo có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 04/7/2017). Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo phần bản án liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình kể ngày nhận được bản án chính.

Nơi nhận:

- TAND T Điện Biên;
- VKSND Huyện Đ
- CA huyện Đ + Nhà TG C.an huyện Đ;
- Phòng HNVCA T Điện Biên;
- Sở TP T Điện Biên;
- CCTHA huyện Đ;
- Bị cáo;
- Lưu./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Bạc Thị Liên